

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHƯA HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý I Năm 2011

Chi tiêu	Quý 1		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	316.143.221.608	315.065.157.845	316.143.221.608	315.065.157.845
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	316.143.221.608	315.065.157.845	316.143.221.608	315.065.157.845
4 Giá vốn hàng bán	283.033.600.841	275.037.280.753	283.033.600.841	275.037.280.753
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	33.109.620.767	40.027.877.092	33.109.620.767	40.027.877.092
6 Doanh thu hoạt động tài chính	42.948.430.990	15.645.010.688	42.948.430.990	15.645.010.688
7 Chi phí tài chính	38.390.060.599	18.455.781.685	38.390.060.599	18.455.781.685
Trong đó :			0	-
- Chi phí lãi vay	15.427.213.958	9.758.918.219	15.427.213.958	9.758.918.219
8 Chi phí bán hàng	1.214.124.558	120.267.920	1.214.124.558	120.267.920
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.436.618.634	12.932.177.142	11.436.618.634	12.932.177.142
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.017.247.966	24.164.661.033	25.017.247.966	24.164.661.033
11 Thu nhập khác	2.896.742.894	699.362.146	2.896.742.894	699.362.146
12 Chi phí khác	1.818.182	54.704.435	1.818.182	54.704.435
13 Lợi nhuận khác	2.894.924.712	644.657.711	2.894.924.712	644.657.711
14 Lợi nhuận trước thuế	27.912.172.678	24.809.318.744	27.912.172.678	24.809.318.744
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	766.388.821	1.579.737.300	766.388.821	1.579.737.300
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			0	-
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.145.783.857	23.229.581.444	27.145.783.857	23.229.581.444

T.p Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.749.282.492.869	1.855.442.610.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96.763.971.541	261.855.538.610
1. Tiền	111		96.763.971.541	93.268.741.558
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	168.586.797.052
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		905.365.107.146	782.752.507.716
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	989.509.346.307	857.998.023.712
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(84.144.239.161)	(75.245.515.996)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		619.689.295.654	658.722.296.318
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	264.869.104.883	279.714.658.775
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	99.711.685.832	87.232.620.572
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	255.937.564.261	292.604.076.293
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho	140		39.285.453.287	31.494.976.403
1. Hàng tồn kho	141	V.8	39.285.453.287	31.494.976.403
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.178.665.241	120.617.291.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	15.796.290.961	7.559.556.079
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		158.156.842	171.485.354
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	17.737.996.865	9.851.020.124
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	54.486.220.573	103.035.229.65

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		3.096.482.646.424	2.911.294.385.724
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		778.640.699.104	716.719.399.884
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.13	708.562.451.547	656.854.093.556
<i>Nguyên giá</i>		222		<i>1.180.877.358.289</i>	<i>1.107.465.742.961</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		<i>(472.314.906.742)</i>	<i>(450.611.649.405)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.14	6.275.659.395	7.266.838.830
<i>Nguyên giá</i>		225		<i>23.890.768.666</i>	<i>23.890.768.666</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		<i>(17.615.109.271)</i>	<i>(16.623.929.836)</i>
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.15	14.626.653.645	14.935.179.723
<i>Nguyên giá</i>		228		<i>17.104.321.171</i>	<i>17.104.321.171</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		<i>(2.477.667.526)</i>	<i>(2.169.141.448)</i>
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.16	49.175.934.517	37.663.287.775
III. Bất động sản đầu tư		240	V.17	248.121.239.127	251.094.268.173
<i>Nguyên giá</i>		241		<i>279.448.439.795</i>	<i>279.448.439.795</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		<i>(31.327.200.668)</i>	<i>(28.354.171.622)</i>
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		1.986.140.724.742	1.858.666.120.194
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.18	939.984.944.122	936.984.944.122
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.19	309.669.472.143	309.669.472.143
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.20	811.276.449.433	686.801.844.885
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.21	(74.790.140.956)	(74.790.140.956)
V. Tài sản dài hạn khác		260		46.579.983.451	47.814.597.473
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.22	7.642.956.331	8.922.750.353
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.23	38.937.027.120	38.891.847.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4.845.765.139.292	4.766.736.995.978

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.308.280.540.763	1.256.398.181.305
I. Nợ ngắn hạn	310		803.825.919.438	750.668.286.436
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	463.802.601.496	320.247.600.198
2. Phải trả người bán	312	V.25	112.619.342.972	111.740.232.090
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	9.569.269.662	4.540.635.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	5.620.700.681	4.657.817.782
5. Phải trả người lao động	315	V.28	5.374.131.071	14.914.367.746
6. Chi phí phải trả	316	V.29	24.580.217.685	14.081.299.436
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	176.651.654.145	273.810.520.210
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	5.608.001.727	6.675.813.335
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		504.454.621.325	505.729.894.869
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	21.711.212.611	22.966.486.155
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	481.784.045.000	481.784.045.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.34	547.283.314	547.283.314
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.35	412.080.400	432.080.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.537.484.598.529	3.510.338.814.672
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.537.484.598.529	3.510.338.814.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.36	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.36	2.169.160.586.400	2.169.160.586.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.36	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.36	23.765.156.863	23.765.156.863
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.36	20.651.091.956	20.651.091.956
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.36	254.519.380.408	227.373.596.551
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.845.765.139.292	4.766.736.995.978

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/03/2011	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.912.172.678	115.016.436.327
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		25.975.991.896	91.929.598.196
- Các khoản dự phòng	03		8.898.723.165	84.071.951.477
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(192.635.556)	(1.622.626.576)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.662.270.119)	(207.141.269.884)
- Chi phí lãi vay	06		15.427.213.958	73.562.775.097
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.359.196.022	155.816.864.638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.534.851.719	(218.035.521.061)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.790.476.885)	(3.638.174.785)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(86.349.348.933)	43.755.221.976
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.956.940.860)	(6.826.533.374)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.103.640.860)	(67.990.110.263)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.963.572.126)	(13.322.558.828)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		54.320.965.350	124.265.106.682
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.449.682.700)	(164.622.262.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.601.350.728	(150.597.967.489)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(84.924.262.070)	(38.242.199.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.710.904.268
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(266.290.978.872)	(274.786.391.123)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		294.414.307.068	19.866.626.298
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(287.109.255.339)	(867.103.214.048)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.913.512.142
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.662.270.119	149.886.298.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(317.247.919.094)	(999.754.463.529)

Choquí 1 năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	01/01/2011 đến	Năm nay
			31/03/2011	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhân góp vốn của chủ sở hữu	31		-	1.327.253.124.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		238.405.150.465	984.492.008.257
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93.796.061.068)	(984.833.255.677)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(1.054.088.100)	(5.999.703.133)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>143.555.001.297</u>	<u>1.319.912.173.447</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		- 165.091.567.069	169.559.742.429
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	261.855.538.610	92.732.327.324
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(436.531.143)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>96.763.971.541</u>	<u>261.855.538.610</u>



Trương Nhu Nguyễn
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Quý I năm 2011 bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2011

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. **Tài sản cố định hữu hình**

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thiết kế

Chi phí thiết kế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái

phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/03/2011 : 20.703 VND/USD

20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7,853,795,315	4,582,889,224
Tiền gửi ngân hàng	88,731,343,575	88,631,079,443
Tiền đang chuyển	178,832,651	54,772,891
Các khoản tương đương tiền (*)	-	168,586,797,052
Cộng	<u>96,763,971,541</u>	<u>261,855,538,610</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	263,022,641,871	272,182,317,096
Tiền gửi kỳ hạn	163,986,704,466	23,315,706,616
Đầu tư ngắn hạn	487,500,000,000	487,500,000,000
Đầu tư khác	75,000,000,000	75,000,000,000
	<u>989,509,346,337</u>	<u>857,998,023,712</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng bổ sung trên thị trường chứng khoán niêm yết. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	75.245.515.996
Trích lập dự phòng bổ sung	8.898.723.165
Số cuối kỳ	84.144.239.161

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động đại lý tàu biển	2,130,000,000	3,314,876,327
Hoạt động khai thác vận tải	207,025,120,385	198,750,549,547
Dịch vụ cho thuê tài sản	36,450,000,000	18,003,934,480
Dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	19,263,984,498	59,645,298,421
Cộng	<u>264,869,104,883</u>	<u>279,714,658,775</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH MTV Bason	2,481,856,626	-
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	38,000,000,000	38,000,000,000
Công ty TNHH cảng Phước Long	24,948,168,662	34,179,996,948
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh	9,130,000,000	6,848,000,000
Cty TNHH kỹ thuật dịch vụ Song Long	3,388,756,800	3,388,756,800
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy CN T, Cty điện lực TP.HCM- Cty TNHH điện lực Sài Gòn	1,894,672,355	-
Cty cổ phần đầu tư và xây dựng Bông Sen Vàng	12,350,252,000	-
Các nhà cung cấp khác	7,517,979,389	3,565,866,824
Cộng	<u>99,711,685,832</u>	<u>87,232,620,572</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	9,090,148,064	13,825,077,091
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3,500,000,000	3,500,000,000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	226,773,550,443	236,160,669,987
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	9,260,618,700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	-	6,234,829,842
Các khoản phải thu khác	16,573,865,754	23,622,880,673
Cộng	<u>255,937,564,261</u>	<u>292,604,076,293</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần biển Nam Á	333,125,000	333,125,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trán	190,500,000	190,500,000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng HTN	14,091,000	14,091,000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84,500,000	84,500,000
Công ty dầu thực vật Bình An	33,663,006	33,663,006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20,412,000	20,412,000
Vinatrans Regional Container Lines	12,655,566	12,655,566
Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140,112,750	140,112,750
Cộng	829,059,322	829,059,322
8. Hàng tồn kho		
Nhiên liệu tồn trên tàu.		
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	3,982,310,985	4,246,532,992
Chi phí bảo hiểm	6,950,680,046	2,082,876,829
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4,863,299,930	1,230,146,258
Cộng	15,796,290,961	7,559,556,079
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Việt Nam và tại chi nhánh Campuchia.		
11. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	18,192,734,767	16,205,159,446
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36,293,485,806	86,830,070,205
Cộng	54,486,220,573	103,035,229,651
12. Phải thu dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19,000,000,000	19,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18,000,000,000	18,000,000,000
Cộng	37,000,000,000	37,000,000,000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	76.358.214.834	106.792.649.915	912.185.574.234	12.129.303.978	1.107.465.742.961
Tăng trong năm	4.060.726.132	-	69.178.695.890	437.948.810	73.677.370.832
Mua sắm mới	4.060.726.132		69.101.572.382	423.984.475	73.586.282.989
Tăng khác			77.123.508	13.964.335	91.087.843
Giảm trong năm	-	-		(265.755.504)	(265.755.504)
Thanh lý, nhượng bán				(265.755.504)	(265.755.504)
Số cuối năm	80.418.940.966	106.792.649.915	981.364.270.124	12.301.497.284	1.180.877.358.289
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.992.806.047	78.067.415.571	330.951.051.099	9.600.376.688	450.611.649.405
Tăng trong năm	622.269.099	2.022.026.880	18.752.991.612	571.725.250	21.969.012.841
Khấu hao trong năm	622.269.099	2.022.026.880	18.733.425.161	557.760.915	21.935.482.055
Tăng khác			19.566.451	13.964.335	33.530.786
Giảm trong năm	-	-	-	(265.755.504)	(265.755.504)
Thanh lý, nhượng bán				(265.755.504)	(265.755.504)
Số cuối năm	32.615.075.146	80.089.442.451	349.704.042.711	9.906.346.434	472.314.906.742

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23,890,768,666	16,623,929,836	7,266,838,830
Tăng trong năm	-	991,179,435	
Số cuối kỳ	23,890,768,666	17,615,109,271	6,275,659,395

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7,352,483,410	9,751,837,761	17,104,321,171
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>7,352,483,410</u>	<u>9,751,837,761</u>	<u>17,104,321,171</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2,169,141,448	2,169,141,448
Khấu hao trong năm	-	308,526,078	308,526,078
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>2,477,667,526</u>	<u>2,477,667,526</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>7,352,483,410</u>	<u>7,582,696,313</u>	<u>14,935,179,723</u>
Số cuối kỳ	<u>7,352,483,410</u>	<u>7,274,170,235</u>	<u>14,626,653,645</u>

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	9.395.025.911	11.512.646.742	20.907.672.652,89
XDCB dở dang	28.268.261.864		28.268.261.864,00
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP Hồ Chí Minh	20.746.655.945		20.746.655.945,00
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091		2.694.479.091,00
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173		3.658.444.173,00
- Các dự án khác	1.168.682.655		1.168.682.655,00
Cộng	<u>37.663.287.775</u>	<u>11.512.646.742</u>	<u>49.175.934.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279,448,439,795	28,354,171,622	251,094,268,173
Tăng trong năm	-	2,973,029,046	
Số cuối kỳ	279,448,439,795	31,327,200,668	248,121,239,127

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	22,740,381,922	111,727,417,634
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	7,819,573,650	34,327,579,765
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

18. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	36.900.000.000	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	5.000.000.000	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	6.600.000.000	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS - Gemadept	-	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	-	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadep	72.126.807.812	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	700.000.000	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	- 3.500.000.000	- 500.000.000
Cộng	939.984.944.122	936.984.944.122

19. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**Số cuối kỳ****Số đầu năm**

	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng		42,761,600,000		42,761,600,000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		9,642,000,000		9,642,000,000
Công ty MBN-GMD Việt Nam		1,534,080,000		1,534,080,000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		32,206,940,000		32,206,940,000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		-		-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		18,264,608,143		18,264,608,143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		23,236,200,000		23,236,200,000
Công ty TNHH Schenker Gemadep Logistics Vietnam		11,882,010,000		11,882,010,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	2,371,845,000	2,371,845,000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	86,250,000,000	86,250,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	29,375,000,000	29,375,000,000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2,319,909,000	2,319,909,000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	49,825,280,000	49,825,280,000
Cộng	309,669,472,143	309,669,472,143

20. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	203,374,669,600	203,374,669,600
Tiền gửi có kỳ hạn	161,600,000,000	161,600,000,000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	446,301,779,833	321,827,175,285
Cộng	811,276,449,433	686,801,844,885

21. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	36.792.330.200
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	21.303.348.530	21.303.348.530
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	11.225.057.453	11.225.057.453
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	5.469.404.773	5.469.404.773
Cộng	74.790.140.956	74.790.140.956

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	74.790.140.956
Trích lập dự phòng bổ sung	
Số cuối kỳ	74.790.140.956

22. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	7,642,956,331	8,832,114,060
Lãi thuê tài chính		90,636,293
Cộng	7,642,956,331	8,922,750,353

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	757,280,000	757,280,000
Ký quỹ thuê tàu	37,864,000,000	37,864,000,000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	<u>315,747,120</u>	<u>270,567,120</u>
Cộng	<u>38,937,027,120</u>	<u>38,891,847,120</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay tại Việt Nam	313,260,736,996	280,320,012,198
- Vay tại nước ngoài	<u>150,541,864,500</u>	<u>39,927,588,000</u>
Cộng	<u>463,802,601,496</u>	<u>320,247,600,198</u>

25. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	3,074,728,994	2,406,101,682
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>	305,346,703	305,346,703
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hai Phòng</i>	2,581,793,209	1,962,065,359
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>	-	33,396,048
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>	187,589,082	105,293,572
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	<u>109,544,613,978</u>	<u>109,334,130,407</u>
Cộng	<u>112,619,342,972</u>	<u>111,740,232,089</u>

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản trả tiền trước của khách hàng	<u>9,569,269,662</u>	<u>4,540,635,640</u>
Cộng	<u>9,569,269,662</u>	<u>4,540,635,640</u>

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5,620,700,681	4,657,817,782
	5,620,700,681	4,657,817,782
28. Phải trả người lao động		
Tiền lương còn phải trả công nhân viên.		
29. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	8,348,701,296	7,120,776,825
Chi phí bốc xếp, lưu kho	2,233,051,943	5,012,734,633
Chi phí nhiên liệu	6,685,244,832	-
Chi phí khác	7,313,219,614	1,947,787,978
Cộng	24,580,217,685	14,081,299,436
30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	19,743,584,436	30,744,708,032
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	150,133,322,555	215,336,499,341
Các khoản phải trả khác	6,774,747,154	27,729,312,837
Cộng	176,651,654,145	273,810,520,210
31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm		6,675,813,335
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Chi quỹ trong năm		<u>(1,067,811,608)</u>
Số cuối kỳ		5,608,001,727
32. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh

21,711,212,611

22,941,117,275

Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác

25,368,880

Cộng**21,711,212,611****22,966,486,155****33. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	84,997,045,000	84,997,045,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	72,000,000,000	72,000,000,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	12,997,045,000	12,997,045,000
Trái phiếu chuyển đổi Công ty CP Cảng Nam Hải	396,787,000,000	396,787,000,000
Cộng	481,784,045,000	481,784,045,000

34. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.169.160.586.400			2.169.160.586.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902			69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	23.765.156.863			23.765.156.863
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.651.091.956			20.651.091.956
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	227.373.596.551	27.145.783.857		254.519.380.408
Cộng	3.510.338.814.672	27.145.783.857	0	3.537.484.598.529

Cổ tức

Trong quý 1 năm 2011 công ty không phát sinh tiền chi trả cổ tức cho cổ đông.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I Năm 2011</u>
Tổng doanh thu	316.143.221.608
- Doanh thu dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, sửa chữa, khác	281.919.038.652
- Doanh thu hoạt động đại lý, giao nhận	11.252.332.078
- Doanh thu cho thuê văn phòng	22.971.850.878
Cộng	<u><u>316.143.221.608</u></u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I Năm 2011</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, khác	270.312.041.126
Giá vốn dịch vụ đại lý, giao nhận	5.701.479.883
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	7.020.079.832
Cộng	<u><u>283.033.600.841</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I Năm 2011</u>
lãi chứng khoán thực hiện	471.926.963
lãi tỉ giá thực hiện	15.814.233.908
lãi ngân hàng	9.466.798.307
Lãi góp vốn liên doanh liên kết	17.195.471.812
Cộng	<u><u>42.948.430.990</u></u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý I Năm 2011</u>
Chi phí lãi vay	15.427.213.958
Lỗ chênh lệch tỉ giá	8.390.241.331
Lỗ do hoạt động chứng khoán	5.673.882.145
Dự phòng đầu tư tài chính	8.898.723.165
Cộng	<u><u>38.390.060.599</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý

	<u>Quý I Năm 2011</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.393.875.824
Chi phí vật liệu quản lý	176.372.945
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.451.655
Chi phí khấu hao TSCD	2.211.506.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	<u>3.613.412.201</u>
Cộng	11.436.618.634

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc